

Họ và tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 001

Câu 81. Thành phần axit amin trong chuỗi hemôglôbin của người và tinh tinh giống nhau. Điều này chứng tỏ người và tinh tinh có cùng nguồn gốc. Trong ví dụ này nhắc đến

- A. bằng chứng địa lí sinh vật học
B. bằng chứng sinh học phân tử.
C. bằng chứng phôi sinh học
D. bằng chứng giải phẫu so sánh

Câu 82. Xét một gen có 2 alen là A và a. Một quần thể đang cân bằng di truyền có tần số A = 0,6 thì kiểu gen AA chiếm tỉ lệ

- A. 0,36
B. 0,16
C. 0,25.
D. 0,48.

Câu 83. Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Sự phân bố các cá thể hợp lý hơn.
B. Đảm bảo cho quần thể tồn tại ổn định, khai thác tối ưu nguồn sống của môi trường.
C. Số lượng các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp
D. Đảm bảo nguồn thức ăn đầy đủ cho các cá thể trong đàn.

Câu 84. Trong những thành tựu sau đây, thành tựu nào là của công nghệ tế bào ?

- A. tạo ra giống dâu tằm tam bội có năng suất cao.
B. tạo ra giống lúa có khả năng tổng hợp carotenoid.
C. tạo ra giống vi khuẩn E. coli có khả năng sản xuất insulin của người.
D. Tạo ra cừu Dolly.

Câu 85. Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa như thế nào?

- A. Tiêu hóa ngoại bào và tiêu hóa nội cùng lúc.
B. Chủ yếu là tiêu hóa ngoại bào.
C. Chỉ tiêu hóa ngoại bào.
D. Chủ yếu là tiêu hóa nội bào.

Câu 86. Cho biết A quy định thân cao trội hoàn toàn so với a quy định thân thấp. Có bao nhiêu kiểu gen quy định kiểu hình cây thân cao?

- A. 2
B. 3
C. 1
D. 4

Câu 87. Ở cây, nước chủ yếu được thoát qua cơ quan nào sau đây?

- A. Lá
B. Hoa
C. Thân
D. Rễ

Câu 88. Dạng đột biến điểm nào sau đây không làm tăng cũng không làm giảm số liên kết hidro của gen?

- A. Thêm một cặp G - X.
B. Mất một cặp A - T.
C. Thay thế một cặp A - T bằng một cặp G - X.
D. Thay thế một cặp G - X bằng một cặp X - G

Câu 89. Sau chiến tranh chống Mỹ, khu vực rừng ngập mặn Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh) bị tàn phá nghiêm trọng. Ngày nay, khu vườn ngập mặn Cần Giờ đã được khôi phục lại và được công nhận là khu dự trữ Sinh quyển thế giới của Việt Nam. Đây là biểu hiện của hiện tượng

- A. Diễn thế thứ sinh
B. Diễn thế nguyên sinh hoặc diễn thế khôi phục
C. Diễn thế khôi phục
D. Diễn thế nguyên sinh

Câu 90. Huyết áp của một người là 120/70 biểu thị

- A. áp suất của động mạch/ áp suất của tĩnh mạch.
B. áp suất của động mạch khi tim co/ áp suất của động mạch khi tim giãn
C. áp suất ở tâm thất trái/ áp suất ở tâm thất phải.
D. áp suất ở tâm thất trái/ áp suất ở tâm nhĩ trái.

Câu 91. Trong kĩ thuật chuyển gen, plasmit là?

- A. Enzym nối.
B. Tế bào cho
C. Tế bào nhận.
D. Thể truyền

Câu 92. Theo quan niệm hiện đại, nhân tố tiến hóa nào sau đây có vai trò quy định chiều hướng tiến hoá?

- A. Di - nhập gen.
B. Đột biến.
C. Các yếu tố ngẫu nhiên.
D. Chọn lọc tự nhiên.

Câu 93. Mỗi phân tử ADN được cấu tạo từ bao nhiêu chuỗi polynucleotit?

- A. 3 chuỗi.
B. 2 chuỗi
C. 1 chuỗi.
D. 4 chuỗi.

Câu 94 . Cho biết alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp, alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Kiểu gen nào sau đây quy định kiểu hình thân cao, hoa đỏ?

- A. aaBb
B. aaBB
C. AaBb
D. Aabb

Câu 95. Đơn vị nhỏ nhất trong cấu trúc NST gồm đủ 2 thành phần ADN và protein histôn là

- A. sợi cơ bản.
B. nuclêotit.
C. nuclêôxôm.
D. pôlixôm.

Câu 96. Đơn phân cấu tạo nên prôtêin là

- A. vitamin.
B. axit amin.
C. glucose.
D. nucleotit.

Câu 97. Trong quá trình phát sinh sự sống trên Trái Đất, kết quả của giai đoạn tiến hóa hóa học là hình thành nên

- A. Các sinh vật đơn bào nhân thực.
B. Các đại phân tử hữu cơ phức tạp.
C. Các tế bào sơ khai.
D. Các sinh vật đa bào.

Câu 98. Một cơ thể có 2 cặp gen dị hợp giảm phân đã sinh ra giao tử Ab với tỉ lệ 20%. Tần số hoán vị gen là bao nhiêu?
 A. 20%. B. 40%. C. 30%. D. 10%.

Câu 99. Khi nói về hô hấp ở động vật, trong số các phát biểu sau đây

- I. Tốc độ khuếch tán khí qua bề mặt trao đổi khí tỉ lệ thuận với độ dày của bề mặt trao đổi.
- II. Ở côn trùng, khí oxy từ ống khí được vận chuyển nhờ các phân tử hemoglobin trong máu.
- III. Hiệu suất quá trình trao đổi khí ở lưỡng cư, bò sát, thú thấp hơn so với ở chim.
- IV. Ở người, chưa đến 50% lượng khí oxy đi vào phế nang được hấp thu vào máu.

Số phát biểu chính xác là:

- A. 3 B. 1 C. 4 D. 2

Câu 100. Một số loài cây sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối lại với nhau. Hiện tượng này thể hiện mối quan hệ sinh thái nào sau đây?

- A. hỗ trợ cùng loài B. cộng sinh. C. cạnh tranh. D. hợp tác.

Câu 101. Dựa theo kích thước quần thể, trong những loài dưới đây, loài nào có kiểu tăng trưởng số lượng gần với hàm số mũ?

- A. Rái cá trong hồ B. Ba ba ven sông. C.Ếch nhái ven hồ. D. Vi khuẩn lam trong hồ.

Câu 102. Ở người, gen nằm ở vị trí nào sau đây sẽ di truyền theo dòng mẹ ?

- A. Trong ty thể B. Trên NST giới tính Y. C. Trên NST giới tính X. D. Trên NST thường

Câu 103. Trong quần thể, thường **không** có kiểu phân bố nào sau đây?

- A. Phân bố đồng đều. B. Phân tầng. C. Phân bố ngẫu nhiên. D. Phân bố theo nhóm.

Câu 104. Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô → Sâu ăn lá ngô → Nhái → Rắn hổ mang → Diều hâu. Trong chuỗi thức ăn này, cây ngô thuộc bậc dinh dưỡng

- A. cấp 1 B. cấp 2 C. cấp 4 D. cấp 3

Câu 105. Trình tự nuclêôtit trong ADN có tác dụng bảo vệ và làm các NST không dính vào nhau nằm ở:

- A. Tâm động B. Đỉnh khởi sự nhân đôi C. Eo thứ cấp D. Hai đầu mút NST.

Câu 106. Sinh vật nhân sơ, điều hòa hoạt động của gen diễn ra chủ yếu ở giai đoạn

- A. trước phiên mã. B. phiên mã. C. dịch mã. D. sau dịch mã.

Câu 107. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, loại biến dị nào sau đây là nguyên liệu sơ cấp của quá trình tiến hóa?

- A. Đột biến gen B. Biến dị tổ hợp. C. Đột biến nhiễm sắc thể D. Thường biến

Câu 108. Cơ thể có kiểu gen $AABbDdEE$ giảm phân không xảy ra đột biến tạo ra các giao tử. Theo lí thuyết, giao tử có 4 alen trội chiếm tỉ lệ là

- A. 1/16 B. 1/2 C. 1/4 D. 1/8

Câu 109. Một loại thực vật có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 24$; một loại thực vật khác có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 26$. Theo lí thuyết, giao tử tạo ra từ quá trình giảm phân bình thường ở thể song nhị bội được hình thành từ hai loài trên có số lượng nhiễm sắc thể là:

- A. 24 B. 26 C. 27 D. 25

Câu 110. Vào mùa xuân và mùa hè thường có khí hậu ẩm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều. Đây là dạng biến động số lượng cá thể thuộc loại nào?

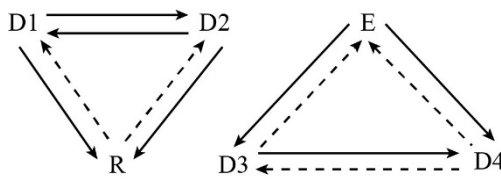
- A. Không theo chu kỳ B. Theo chu kỳ nhiều năm. C. Theo chu kỳ mùa. D. Theo chu kỳ ngày đêm.

Câu 111. Hình dưới đây mô tả về ảnh hưởng qua lại giữa các loài trong một quần xã.

Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng?

- (1) D3 và D4 thuộc mối quan hệ hợp tác.
- (2) D1 và D2 có thể là cú và chồn trong rừng.
- (3) R chắc chắn là sinh vật sản xuất.
- (4) Nếu E là ve bét thì D3 có thể là sư tử và D4 có thể là trâu rừng.

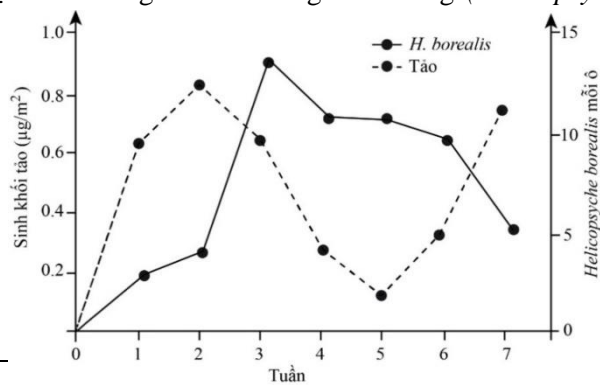
- A. 2 B. 1 C. 3 D. 4



Chú thích:

- > : Ảnh hưởng âm (có hại)
- - - - -> : Ảnh hưởng dương (có lợi)
- R: Nguồn sống có giới hạn
- D1, D2, D3, D4: Các loài sinh vật tiêu thụ
- E: Kẻ thù của D3 và D4

Câu 112. Các nhà khoa học thực hiện nghiên cứu về sự ảnh hưởng của ấu trùng cánh lông (*Helicopsyche borealis*) thường dùng tảo làm thức ăn. Ấu trùng sống ở suối Bắc Mỹ, thường xây dựng tổ di động từ các hạt cát. Chúng ăn tảo và vi khuẩn trên đá, đòi hỏi chúng phải thường xuyên di chuyển nơi ở để tránh khỏi các mối đe dọa. Các nhà khoa học đã thực hiện khảo sát về ảnh hưởng của *H. borealis* tới nguồn thức ăn của nó trong môi trường sinh sống. Các nhà khoa học đã thực hiện thí nghiệm bằng cách đặt các tấm gạch dưới đáy của dòng suối và theo dõi sự xâm chiếm của tảo và *H. borealis* trên các bề mặt nhân tạo này trong khoảng 7 tuần. Dựa vào kết



qua nghiên cứu có bao nhiêu kết quả sau đây đúng?

- (1) Sinh khối tảo tăng nhanh trong 2 tuần đầu tiên của thí nghiệm và suy giảm khi ấu trùng *H. borealis* xâm chiếm các bề mặt nhân tạo ở 3 tuần tiếp theo.
- (2) Ấu trùng làm giảm độ phong phú về nguồn thức ăn đối với các loài sử dụng tảo làm thức ăn của quần xã này.
- (3) Mọi quan hệ giữa ấu trùng cánh lông và tảo giống mọi quan hệ giữa tảo giáp và cá nhỏ ở cùng vùng biển.
- (4) Ở 2 tuần cuối số lượng loài *H. borealis* suy giảm cho thấy nguồn dinh dưỡng cạn kiệt, tạo điều kiện cho sinh khối của tảo tăng nhanh.

A. 2

B. 1

C. 4

D. 3

Câu 113. Ở một quần thể tự phối bắt buộc, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Thế hệ xuất phát (P) của quần thể có tỉ lệ kiểu gen: 0,6AA: 0,4Aa. Biết quần thể không chịu tác động của các nhân tố tiến hóa khác. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- (1) Ở F₂, kiểu gen Aa chiếm tỉ lệ 10%.
- (2) Qua các thế hệ, tỉ lệ kiểu hình hoa đỏ giảm dần cho đến khi tỷ lệ đỏ dị hợp bằng 0.
- (3) Qua các thế hệ, hiệu số giữa tỉ lệ kiểu gen AA với tỉ lệ kiểu gen aa luôn là 0,6.
- (4) Nếu thế hệ xuất phát của quần thể có thành phần kiểu gen cân bằng di truyền thì ở F₂ quần thể sẽ không cân bằng di truyền.

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 114. Đất đồng rêu thường chứa một lượng lớn than bùn, nên đây là hệ sinh thái có vai trò quan trọng tham gia kiểm soát CO₂ khí quyển. Hiện nay hoạt động sản xuất của con người đang làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái này. Để đánh giá nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của con người đến hệ sinh thái, các nhà khoa học đã tiến hành thí nghiệm như sau:

Thu các mẫu đất từ 2 khu vực, một khu vực có sản xuất nông nghiệp và có bón phân vô cơ hàng năm cho cây trồng; một khu vực đất hoang không canh tác. Đất được ủ ở độ ẩm 60% (A) hoặc bão hòa hơi nước (W) trong 100 ngày ở nhiệt độ 7°C hoặc 15°C. Kết quả thu được ở hình trên. Cho biết, than bùn được hình thành do quá trình tích tụ và phân hủy không hoàn toàn tàn dư thực vật bị vùi lấp lâu ngày trong điều kiện yếm khí xảy ra liên tục. Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Canh tác nông nghiệp làm giảm chất thải CO₂ khí quyển.
- (2) Lượng O₂ trong đất thấp là nguyên nhân khiến cho hàm lượng CO₂ phát thải ở mẫu W thấp.
- (3) Hệ sinh vật phân giải ở đồng rêu hoạt động mạnh hơn ở đất nông nghiệp.
- (4) Đồng rêu là khu vực có nhiệt độ thấp, độ ẩm cao và oxi hòa tan rất thấp.

A. 4

B. 1

C. 3

D. 2

Câu 115. Bệnh galactosemia là một bệnh rối loạn chuyển hóa đường galactose ở người do một trong hai alen của gen quy định. Sơ đồ phả hệ dưới đây ghi nhận sự di truyền và biểu hiện bệnh galactosemia trong một dòng họ. Biết không phát sinh đột biến trong phả hệ, có bao nhiêu phát biểu sau đây về phả hệ này là đúng?

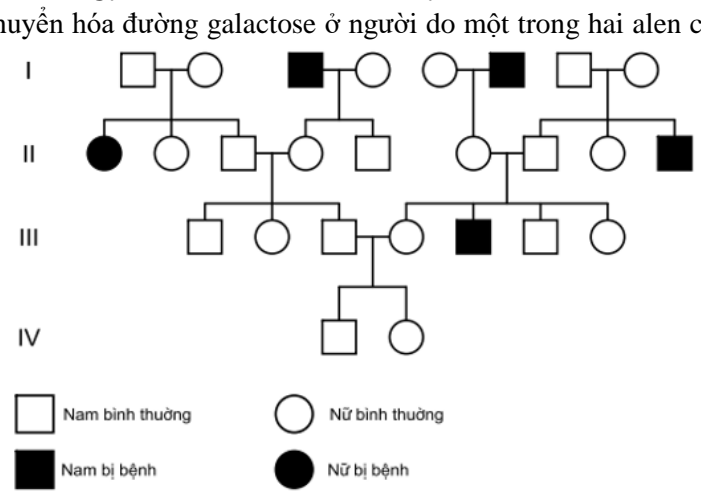
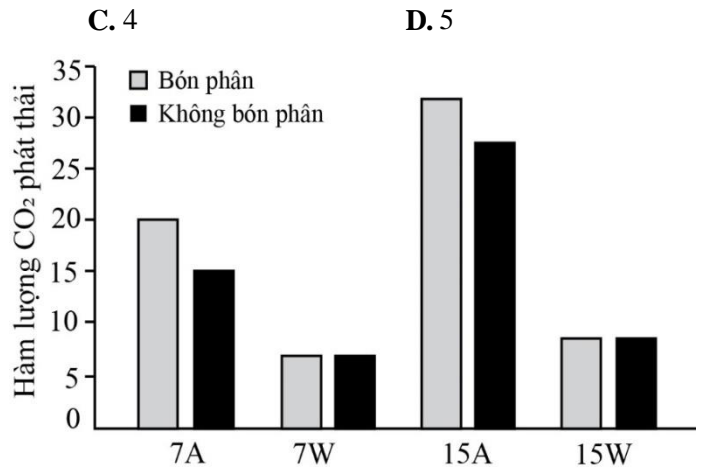
- (1) Bệnh do gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X quy định.
- (2) Xác suất để cặp vợ chồng ở thế hệ III sinh con bị bệnh là 10%.
- (3) Biết chắc chắn kiểu gen của 14 người trong phả hệ.
- (4) Cặp vợ chồng ở thế hệ thứ III nếu biết được kiểu gen của mình, ăn kiêng thức ăn chứa galactose thì sẽ không sinh con bị bệnh này.

A. 3

B. 1

C. 2

D. 4



Câu 116. Ở một loài động vật, khi cho con đực (XY) lông đen, cánh dài lai phân tích, đời con có 50% con đực lông trắng, cánh ngắn; 25% con cái lông trắng, cánh dài; 25% con cái lông đen, cánh dài. Cho biết tính trạng chiều cao chân do một cặp gen quy định và không xảy ra đột biến. Cho con đực đời P giao phối với con cái lông đen, cánh dài của F_a, thu được đời F₁ có 13,125% con đực lông đen, cánh dài. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây không đúng?

- (1) Kiểu gen của con cái lông đen, cánh dài Fa là $AaX^{BD}X^{BD}$
 (2) Hoán vị gen đã xảy ra ở cả hai giới với tần số 30%.
 (3) Ở F1 có 50,625% con cái lông đen, cánh dài.
 (4) Tỷ lệ con đực lông trắng, cánh ngắn ở đời F1 chiếm tỷ lệ là 15%.

A. 3

B. 2

C. 4

D. 1

Câu 117. Một loài thực vật, xét 1 gen có 2 alen, alen A trội hoàn toàn so với alen a. Nghiên cứu thành phần kiểu gen của 1 quần thể thuộc loài này qua các thế hệ, thu được kết quả ở bảng sau:

Thành phần kiểu gen	Thế hệ P	Thế hệ F ₁	Thế hệ F ₂	Thế hệ F ₃	Thế hệ F ₄
AA	7/10	16/25	3/10	1/4	4/9
Aa	2/10	8/25	4/10	2/4	4/9
aa	1/10	1/25	3/10	1/4	1/9

Giả sử sự thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể qua mỗi thế hệ chỉ do tác động của nhiều nhất là 1 nhân tố tiến hóa. Cho các phát biểu sau:

I. Quần thể này là quần thể tự thụ phân.

II. Sự thay đổi thành phần kiểu gen ở F₂ có thể do di - nhập gen.

III. Có thể môi trường sống thay đổi nên hướng chọn lọc thay đổi dẫn đến tất cả các cá thể mang kiểu hình lặn ở F₃ không còn khả năng sinh sản.

IV. Nếu F₄ vẫn chịu tác động của chọn lọc như ở F₃ thì tần số kiểu hình lặn ở F₅ là 9/16.

Theo lí thuyết, trong các phát biểu trên, có bao nhiêu phát biểu đúng?

A. 3

B. 1

C. 2

D. 4

Câu 118. Một loài thực vật, cho cây hoa vàng giao phấn với cây hoa vàng, thu được F1 có 100% cây hoa đỏ. Cho F1 giao phấn với nhau, thu được F2 có tỉ lệ kiểu hình: 9 cây hoa đỏ : 6 cây hoa vàng : 1 cây hoa trắng. Lấy ngẫu nhiên 1 cây hoa vàng F2 lai phân tích, thu được Fa. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về tỉ lệ kiểu hình ở Fa?

I. Tỉ lệ kiểu hình ở Fa có thể là 100% hoa vàng.

II. Tỉ lệ kiểu hình ở Fa có thể là 1 hoa vàng : 1 hoa trắng.

III. Tỉ lệ kiểu hình ở Fa có thể là 1 hoa đỏ : 2 hoa vàng : 1 hoa trắng.

IV. Tỉ lệ kiểu hình ở Fa có thể là 1 hoa đỏ : 1 hoa trắng.

A. 1

B. 3

C. 2

D. 4

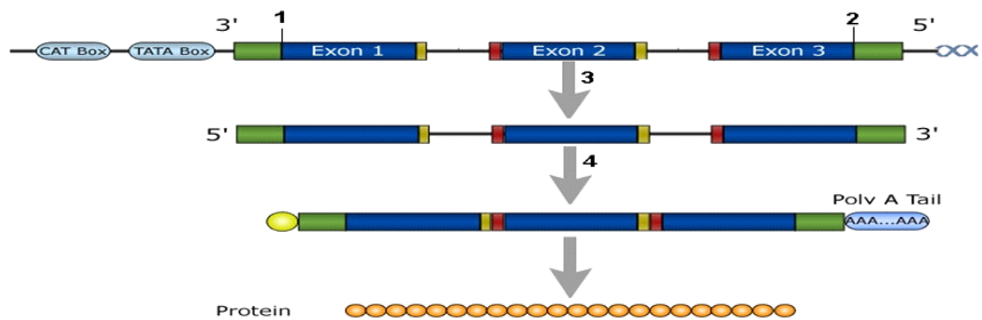
Câu 119. Quan sát hình sau và cho biết có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Vị trí 1 là bộ ba XAT.

II. Vị trí 2 là bộ ba ATT.

III. Vị trí 3 là quá trình phiên mã tạo ra mARN trưởng thành.

IV. Vị trí 4 là quá trình dịch mã.



A. 3

B. 2

C. 1

D. 4

Câu 120. Các đột biến A, B, C, D, E, F, được nằm trong vùng mất đoạn, nhưng trình tự của các đột biến trên NST chưa được biết. Các con ruồi đồng hợp tử về các kiểu hình mất đoạn được nhận biết qua kết quả ở bảng sau:

Mất đoạn Dạng	Đột biến					
	A	B	C	D	E	F
1	m	+	+	m	+	m
2	+	+	+	m	+	m
3	+	m	+	m	+	+
4	+	m	m	+	m	+
5	+	m	m	m	+	+
6	+	m	m	m	m	+

Cho biết kí hiệu "m" là kiểu hình bình thường (kiểu dại); "+" là kiểu hình đột biến. Có bao nhiêu phát biểu đúng?

I. Đột biến mất đoạn A là ngắn nhất.

II. Đột biến mất đoạn D là ngắn nhất.

III. Đột biến mất đoạn B là ngắn hơn so với đoạn E.

IV. Đột biến mất đoạn C là dài hơn so với đoạn F.

A. 2

B. 1

C. 4

D. 3.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ THPT QG**Môn: Sinh học**

Thời gian: 50 phút

Đáp án mã đề: 001

81B	82A	83B	84D	85D	86A	87A	88D	89A	90B
91D	92D	93B	94C	95C	96B	97B	98B	99D	100A
101D	102A	103B	104A	105D	106B	107A	108C	109D	110C
111A	112D	113C	114D	115B	116C	117C	118C	119C	120A

Đáp án mã đề: 002

81D	82C	83A	84A	85D	86B	87D	88C	89A	90B
91A	92D	93A	94B	95C	96D	97A	98D	99B	100A
101C	102D	103C	104D	105C	106D	107A	108A	109B	110B
111A	112A	113C	114A	115A	116B	117A	118A	119D	120A

Đáp án mã đề: 003

81C	82B	83B	84C	85A	86B	87B	88A	89C	90B
91A	92A	93A	94B	95B	96B	97A	98D	99D	100D
101B	102C	103C	104A	105D	106C	107B	108A	109C	110B
111B	112D	113C	114B	115A	116B	117A	118A	119D	120B

Đáp án mã đề: 004

81C	82D	83B	84A	85B	86C	87A	88A	89C	90D
91B	92D	93C	94D	95D	96C	97D	98B	99D	100D
101D	102C	103A	104D	105D	106D	107D	108A	109B	110C
111B	112B	113A	114B	115D	116D	117A	118A	119B	120D

Đáp án mã đề: 005

81D	82B	83A	84D	85D	86A	87A	88C	89D	90D
91B	92B	93B	94C	95C	96B	97B	98D	99C	100A
101D	102A	103D	104C	105B	106D	107D	108D	109A	110B
111C	112A	113D	114B	115B	116D	117C	118D	119C	120C

Đáp án mã đề: 006

81A	82B	83B	84C	85D	86C	87B	88A	89B	90A
91D	92D	93C	94D	95C	96A	97A	98B	99A	100C
101D	102C	103C	104A	105A	106B	107A	108D	109C	110A
111C	112C	113A	114A	115A	116D	117A	118A	119A	120C

Đáp án mã đề: 007

81C	82B	83B	84A	85B	86C	87D	88C	89D	90C
91B	92B	93D	94C	95B	96C	97B	98D	99D	100A
101A	102B	103A	104B	105C	106D	107D	108B	109C	110B
111B	112A	113D	114B	115D	116D	117C	118C	119B	120A

Đáp án mã đề: 008

81C	82A	83B	84C	85C	86A	87A	88A	89B	90A
91C	92C	93A	94D	95B	96C	97D	98B	99B	100A
101A	102B	103C	104A	105D	106C	107C	108A	109B	110A
111C	112C	113D	114B	115A	116B	117C	118C	119A	120B